

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 16



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM**

Số 6, Ngách 29/8, Tổ 31, Phường Dịch Vọng,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư CFM (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Quốc Trung	Chủ tịch
Bà Trần Thùy Linh	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Ngọc Thuân	Thành viên

**Giám đốc**

Bà Trần Thùy Linh	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2018)
Ông Vũ Văn Duy	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2018)

**TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Giám đốc,



**Trần Thùy Linh**  
**Giám đốc**

Ngày 30 tháng 9 năm 2019

Số: 0398 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư CFM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 9 năm 2019, từ trang 03 đến trang 16, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là báo cáo chưa được kiểm toán.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 30 tháng 9 năm 2019

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Tuấn Linh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3001-2019-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.157.757.736</b>	<b>3.601.682</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>69.540.199</b>	<b>1.919.499</b>
1. Tiền	111	4	69.540.199	1.919.499
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>9.561.988</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		100.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(90.438.012)	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>927.033.477</b>	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	44.000.000	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	231.033.477	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	652.000.000	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>23.822.727</b>	-
1. Hàng tồn kho	141		23.822.727	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>127.799.345</b>	<b>1.682.183</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.283.360	1.160.001
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		126.515.985	522.182
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.524.023.930</b>	<b>548.216.951</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>547.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	-	547.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.507.278.138</b>	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.507.278.138	-
- Nguyên giá	222		1.540.909.091	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.630.953)	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.745.792</b>	<b>1.216.951</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	16.745.792	1.216.951
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.681.781.666</b>	<b>551.818.633</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.098.786.111</b>	<b>3.600.000</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>103.675.000</b>	<b>3.600.000</b>
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	350.000	3.600.000
2. Phải trả người lao động	314		54.325.000	-
3. Phải trả ngắn hạn khác	319		4.000.000	-
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	45.000.000	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>995.111.111</b>	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	11	995.111.111	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.582.995.555</b>	<b>548.218.633</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>1.582.995.555</b>	<b>548.218.633</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.700.000.000	600.000.000
2. (Lỗ) lũy kế	421		(117.004.445)	(51.781.367)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(51.781.367)	-
- (Lỗ) năm nay	421b		(65.223.078)	(51.781.367)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.681.781.666</b>	<b>551.818.633</b>

*(Chữ ký)*

**Nguyễn Thị Bình**  
Người lập



**Trần Thủy Linh**  
Giám đốc

Ngày 30 tháng 9 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	15	1.050.272.726	-
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		1.050.272.726	-
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	16	411.731.651	-
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		638.541.075	-
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		167.455	1.699
6. Chi phí tài chính	22	18	99.424.313	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.986.301	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	604.226.121	51.783.066
8. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-26)	30		(64.941.904)	(51.781.367)
9. Chi phí khác	32		281.174	-
10. (Lỗ) khác (40=-32)	40		(281.174)	-
11. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(65.223.078)	(51.781.367)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	-	-
13. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(65.223.078)	(51.781.367)
14. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	21	(782)	(863)

Nguyễn Thị Bình  
Người lập



Trần Thùy Linh  
Giám đốc

Ngày 30 tháng 9 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(65.223.078)</b>	<b>(51.781.367)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	33.630.953	-
Các khoản dự phòng	03	90.438.012	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(167.455)	-
Chi phí lãi vay	06	8.986.301	-
<b>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>67.664.733</b>	<b>(51.781.367)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(506.027.280)	-
Thay đổi hàng tồn kho	10	(23.822.727)	-
Thay đổi các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	55.075.000	(544.336.633)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(15.652.200)	-
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	(100.000.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.986.301)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(1.964.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(531.748.775)</b>	<b>(598.082.200)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.540.909.091)	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	167.455	1.699
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.540.741.636)</b>	<b>1.699</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.100.000.000	600.000.000
2. Nhận tiền gốc vay ngắn hạn	33	1.040.111.111	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.140.111.111</b>	<b>600.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>67.620.700</b>	<b>1.919.499</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.919.499</b>	<b>-</b>
<b>Tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>69.540.199</b>	<b>1.919.499</b>



**Nguyễn Thị Bình**  
Người lập



**Trần Thủy Linh**  
Giám đốc

Ngày 30 tháng 9 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM**

Số 6, Ngách 29/8, Tổ 31, Phường Dịch Vọng,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư CFM (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107952805 ngày 07 tháng 08 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 15 tháng 10 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 6 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ, bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ tư vấn, đào tạo về gọi vốn & quản trị vốn;
- Thẩm định dự án và đầu tư tài chính vào các dự án được duyệt.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chỉ có một địa điểm tại Số 6 ngách 29/8 tổ 31, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính xác định theo quy định hiện hành, cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải

Số năm  
7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

0100  
CỔ  
RÁCH  
DE  
VI  
G

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	4.388.485	1.251.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	65.151.714	668.499
	<b>69.540.199</b>	<b>1.919.499</b>

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chứng khoán kinh doanh	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Đào tạo Kim Cương	100.000.000	90.438.012	-	-
	<b>100.000.000</b>	<b>90.438.012</b>	-	-

Khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Đào tạo Kim Cương trị giá 100.000.000 VND tương ứng 10.000 cổ phần (15% vốn góp chủ sở hữu) được Công ty Cổ phần Đầu tư CFM mua ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Đào tạo Kim Cương	44.000.000	-
	<b>44.000.000</b>	-

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kết nối Doanh nhân Và Tầm nhìn Thế giới	231.000.000	
Các đối tượng khác	33.477	
	<b>231.033.477</b>	-

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>652.000.000</b>	-
- Tạm ứng cho người lao động	547.000.000	-
- Phải thu khác	105.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	-	<b>547.000.000</b>
- Tạm ứng cho người lao động	-	547.000.000
	<b>652.000.000</b>	<b>547.000.000</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
<b>Số dư đầu năm</b>	-
Mua sắm	1.540.909.091
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.540.909.091</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
<b>Số dư đầu năm</b>	-
Trích khấu hao trong năm	33.630.953
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.630.953</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày đầu năm</b>	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.507.278.138</b>

Như trình bày tại thuyết minh số 11, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản công ty đang có là xe ô tô đang được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.283.360</b>	<b>1.160.001</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.283.360	1.160.001
<b>b) Dài hạn</b>	<b>16.745.792</b>	<b>1.216.951</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	13.675.301	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.070.491	1.216.951
	<b>18.029.152</b>	<b>2.376.952</b>

11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Trần Thủy Linh (i)	-	-	45.000.000	-	45.000.000	45.000.000
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - chi nhánh Tây Hà Nội (ii)	-	-	995.111.111	-	995.111.111	995.111.111
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.040.111.111</u>	<u>-</u>	<u>1.040.111.111</u>	<u>1.040.111.111</u>

(i) Khoản vay ngắn hạn của Công ty từ bà Trần Thủy Linh theo Hợp đồng vay số 8406-LAV2013000457/HĐTD ngày 05 tháng 01 năm 2018, khoản vay được giải ngân vào ngày 05 tháng 01 năm 2018. Lãi suất 0%. Thời hạn trả khoản vay vào ngày 21 tháng 01 năm 2019.

(ii) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo Hợp đồng vay số 470/2018/HDTD/THN/01 ngày 28 tháng 10 năm 2018, khoản vay được giải ngân một lần vào ngày 16 tháng 11 năm 2018. Lãi suất 8,2%/năm. Khoản vay được thanh toán một lần khi đáo hạn, thời hạn cuối cùng trả khoản vay vào ngày 16 tháng 11 năm 2024. Tài sản thế chấp là ô tô được mua bằng nguồn vốn vay của Công ty.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp trong năm</u> VND	<u>Số đã thực nộp trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
<b>Các khoản phải nộp</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	3.600.000	611.350	3.861.350	350.000
<b>Cộng</b>	<b>3.600.000</b>	<b>611.350</b>	<b>3.861.350</b>	<b>350.000</b>

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> VND	<u>(Lỗ lũy kế)</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	-	-	-
(Lỗ) trong năm	-	(51.781.367)	(51.781.367)
Tăng vốn trong năm	600.000.000	-	600.000.000
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>600.000.000</b>	<b>(51.781.367)</b>	<b>548.218.633</b>
(Lỗ) trong năm	-	(65.223.078)	(65.223.078)
Tăng vốn trong năm	1.100.000.000	-	1.100.000.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>(117.004.445)</b>	<b>1.582.995.555</b>

**Vốn điều lệ và vốn góp của chủ sở hữu**

Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ tư ngày 15 tháng 10 năm 2018 là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ chưa được các chủ sở hữu góp đủ. Theo kế hoạch vốn chủ sở hữu sẽ được góp đủ trong 6 tháng đầu năm 2019. Tỷ lệ vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cụ thể như sau:

	<u>Vốn góp</u> VND	<u>Tỷ lệ</u> %	<u>Vốn đã góp</u>	
			<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Nguyễn Quốc Trung	1.100.000.000	64,71%	1.100.000.000	-
Trần Thùy Linh	100.000.000	5,88%	100.000.000	100.000.000
Nguyễn Trọng Giang	100.000.000	5,88%	100.000.000	100.000.000
Trịnh Thanh Tùng	100.000.000	5,88%	100.000.000	100.000.000
Vũ Minh Hằng	100.000.000	5,88%	100.000.000	100.000.000
Hoàng Tố Uyên	100.000.000	5,88%	100.000.000	100.000.000
Vũ Ngọc Thuần	100.000.000	5,88%	100.000.000	100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>600.000.000</b>

**14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo, đồng thời Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**15. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.050.272.726	-
	<b>1.050.272.726</b>	<b>-</b>

**16. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Giá vốn dịch vụ cung cấp	411.731.651	-
	<b>411.731.651</b>	<b>-</b>

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công	309.736.695	44.670.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.630.953	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	664.337.377	-
Chi phí khác bằng tiền	8.252.747	7.112.349
	<b>1.015.957.772</b>	<b>51.783.066</b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Lãi tiền vay	8.986.301	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	90.438.012	-
	<b>99.424.313</b>	<b>-</b>

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công	309.736.695	44.670.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.630.953	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.605.726	-
Chi phí khác bằng tiền	8.252.747	7.112.349
	<b>604.226.121</b>	<b>51.783.066</b>



**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>(Lỗ) trước thuế</b>	<b>(65.223.078)</b>	<b>(51.781.367)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Chuyển lỗ	(51.781.367)	-
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất áp dụng	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**21. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
<b>Lỗ trong năm (VND)</b>	<b>(65.223.078)</b>	<b>(51.781.367)</b>
Số trích quỹ khen thưởng (VND)	-	-
<b>Lỗ để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(65.223.078)</b>	<b>(51.781.367)</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	83.452	60.000
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(782)</b>	<b>(863)</b>

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 83.452 cổ phiếu.

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm của Công ty như sau:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Quốc Trung	Chủ sở hữu
Bà Trần Thùy Linh	Giám đốc

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí lương</b>	<b>55.000.000</b>	<b>-</b>
Ông Nguyễn Quốc Trung	55.000.000	-
<b>Góp vốn</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>-</b>
Ông Nguyễn Quốc Trung	1.100.000.000	-
<b>Nhận vay nợ</b>	<b>45.000.000</b>	<b>-</b>
Bà Trần Thùy Linh	45.000.000	-



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>45.000.000</b>	-
Bà Trần Thùy Linh	45.000.000	-

Trong năm 2018, Công ty không phát sinh thu nhập của Giám đốc do Giám đốc thỏa thuận với Công ty không nhận lương.



Nguyễn Thị Bình  
Người lập



Trần Thùy Linh  
Giám đốc

Ngày 30 tháng 9 năm 2019